

Bản án số: 224/2025/HS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tạ Thị Kim Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2025/TLST-HS ngày 20/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1453/2025/QĐXXST-HS ngày 23/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 5441/2025/HSST-QĐ ngày 23/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Tường A; giới tính: Nữ; sinh năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: A ấp BL, xã BD, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: B đường XTT 31, ấp 3, xã XTT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng H – PGD Nguyễn Oanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Hùng C và bà Lê Thị E; có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Võ Thị H; giới tính: Nữ; sinh năm 1992, tại tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký thường trú: 159/90/3 TVĐ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 199/16/1 TNV, phường LĐ, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là Kiểm soát viên chi nhánh Ngân hàng H - PGD Nguyễn Oanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Quốc K và bà Bùi Thị N; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 29/10/2024; có mặt.

- Người bào chữa:

1. Luật sư Nguyễn Ngọc Trâm - Văn phòng Luật sư Hồ Trung Hiếu, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Tường A; có mặt;

2. Luật sư Nguyễn Văn Hiệp - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Hiệp, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Võ Thị H; có mặt.

- Bị hại: Ngân hàng H;

Trụ sở: 54A NCT, phường LT, quận DD, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Phạm Đức Q - Giám đốc Điều tra gian lận & Xử lý khiếu nại tố cáo, khối tư vấn pháp lý & tuân thủ, MXX; có mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh B - Chuyên viên cao cấp Điều tra gian lận, khối tư vấn pháp lý & tuân thủ, MXX; có mặt.

(Văn bản ủy quyền số 4156/2025/UQ - TGD ngày 21/4/2025)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số A, ấp ĐL, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 71/4B ấp BL, xã BD, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 36/14 ấp A, xã XTT, HM, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 27/2 ấp VH, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 772 tổ A khu phố X, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng H - Chi nhánh ĐT - Phòng giao dịch Nguyễn O (sau đây gọi là Ngân hàng H) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 12/12/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2021, địa chỉ: 343A NO, Phường A, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Trần G.

Bộ phận tác nghiệp tín dụng Ngân hàng H gồm có: Võ Thị H là kiểm soát viên, được Ngân hàng H cấp user tên “YG xxxxxx” để thực hiện việc duyệt lệnh đi tiền trên hệ thống Ngân hàng MSB và 03 chuyên viên là Phạm Thị Tường A, Nguyễn Thị Trúc Linh Đ và Đặng Huyền T.

Phạm Thị Tường A là nhân viên chính thức của Ngân hàng H và làm chuyên viên tác nghiệp tín dụng tại Ngân hàng H từ tháng 12/2020, được phân công nhiệm vụ hỗ trợ bộ phận kinh doanh doanh nghiệp, soạn thảo các hồ sơ liên quan đến vay vốn của khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng H; kiểm tra chứng từ giải ngân khi khách hàng có nhu cầu. Từ khoảng tháng 5/2021, A được giao thêm nhiệm vụ hạch toán làm lệnh đi tiền trên hệ thống nội bộ của ngân hàng và được Ngân hàng H cấp user tên “XN yyyyyy”.

Để thuận lợi cho công việc của bộ phận tác nghiệp tín dụng tại Ngân hàng H trong một số thời điểm công việc của Kiểm soát viên Võ Thị H quá tải, bạn công việc hoặc không có mặt tại Ngân hàng H để thao tác duyệt lệnh đi tiền cho khách hàng, thì H đã tự ý cung cấp user tên “YG xxxxxx ” và mật khẩu tài khoản “010203” của H (đây là user và mật khẩu tài khoản Ngân hàng cấp cho H, với chức danh là Kiểm soát viên tác nghiệp tín dụng để duyệt lệnh đi tiền) cho 03 chuyên viên Phạm Thị Tường A, Nguyễn Thị Trúc Linh Đ, Đặng Huyền T tại Ngân hàng H biết và sử dụng trong trường hợp cần thiết, hỗ trợ H trong công việc, thay H duyệt các lệnh chuyển tiền đối với các giao dịch chuyển tiền trên hệ thống phần mềm nội bộ BDS của Ngân hàng H (đây là phần mềm hạch toán của nội bộ Ngân hàng H) khi chưa báo cáo và được sự đồng ý của lãnh đạo Ngân hàng H có thẩm quyền, cụ thể: H cung cấp cho Nguyễn Thị Trúc Linh Đ biết user và mật khẩu của H vào khoảng đầu tháng 12/2021; cung cấp cho Phạm Thị Tường A biết user và mật khẩu của H vào khoảng giữa tháng 12/2021; cung cấp cho Đặng Huyền T biết user và mật khẩu của H vào khoảng cuối tháng 3/2022. Theo quy định của Ngân hàng H thì Kiểm soát viên không được phép cấp user và mật khẩu user trong công việc nghiệp vụ cho người khác biết, sử dụng.

Sau khi được Võ Thị H cung cấp user và mật khẩu, Phạm Thị Tường A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền từ tài khoản ký quỹ của khách hàng doanh nghiệp mở tại Ngân hàng H để sử dụng vào mục đích cá nhân. Khoảng tháng 01/2022, A đã tự ý sử dụng user “XN yyyyyy” của A và user “YG xxxxxx” của H để hạch toán trên hệ thống nội bộ Ngân hàng H, qua đó chiếm đoạt tiền từ nhiều tài khoản khách hàng, cụ thể: A sử dụng máy tính bàn tại Ngân hàng H (đây là máy tính bàn mà Ngân hàng H cấp cho A tại nơi làm việc) kết nối với mạng nội bộ của Ngân hàng h, rồi đăng nhập user “XN yyyyyy” của A và mật khẩu vào phần mềm BDS. Quá trình làm việc trên máy, A kiểm tra tài khoản ký quỹ nào của khách hàng có thể lấy tiền mà khó bị phát hiện thì A sẽ vào chọn mục tạo lệnh, nhập thông tin bên chuyển tiền (tên và tài khoản của khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản tại Ngân hàng h) và thông tin bên nhận tiền gồm: Tài khoản số 1048723448xx đứng tên Nguyễn Anh K là em họ bên chồng của A mở tại Ngân hàng Vietinbank; tài khoản số 1008722180xx mở tại Ngân hàng Vietinbank và số 0601996459xx mở tại Ngân hàng Sacombank đứng tên Nguyễn Thành Q là chồng của A hoặc tài khoản số 1080015214xx mở tại Ngân hàng Vietinbank do Phạm Minh T là em

ruột của A đứng tên chủ tài khoản; sau đó A chọn tên Kiểm soát viên Võ Thị H và chọn mục “chuyển kiểm soát tại chỗ”, rồi nhập mật khẩu user “YG xxxxxx” của H để thực hiện lệnh chuyển tiền trên hệ thống. Sau đó, tiền sẽ được chuyển đến tài khoản thụ hưởng mà A vừa nhập. Khi chuyển tiền thành công, A liên lạc với Nguyễn Anh K, Nguyễn Thành Q, Phạm Minh T yêu cầu chuyển số tiền đã nhận vào tài khoản cá nhân của A mở tại Ngân hàng H số tài khoản 042010128285xx và Ngân hàng MB số tài khoản 26018826xx hoặc rút tiền mặt đưa cho A.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến ngày 26/4/2022, với phương thức, thủ đoạn như trên, Phạm Thị Tường A đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền từ tài khoản ký quỹ của các công ty do H chịu trách nhiệm quản lý với tổng số tiền 7.159.411.118 đồng (Công ty cổ phần Kỹ thuật GM 5.813.577.320 đồng; Công ty cổ phần Kỹ thuật FG 695.499.550 đồng; Công ty cổ phần ĐC 650.334.248 đồng).

Ngày 26/4/2022, Ngân hàng H kiểm tra hệ thống phát hiện tài khoản ký quỹ của 03 khách hàng do Ngân hàng MSB đang quản lý là Công ty cổ phần Kỹ thuật GM, Công ty cổ phần Kỹ thuật FG, Công ty cổ phần ĐC bị xâm nhập trái phép và bị chiếm đoạt tiền trong tài khoản ký quỹ nên đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc và H đã phải bồi hoàn lại toàn bộ số tiền mà A đã chiếm đoạt vào tài khoản ký quỹ của 03 khách hàng trên.

Ngày 31/5/2024, Ngân hàng H có văn bản số 4454/2024/CV-TGD12 trả lời về quy trình, quy định sử dụng và quản lý user, mật khẩu, cụ thể:

Theo Quy định mã số QĐ.IT.014 ngày 01/8/2021 của Ngân hàng H quy định về quản lý user và mật khẩu tại Chương 3, Điều 7, mục 3 quy định trách nhiệm của người sử dụng user:

“f) Giữ bí mật về mật khẩu, không tiết lộ hoặc chia sẻ cho người khác;

g) Không được sử dụng trái phép tài khoản của người khác và không để người khác sử dụng tài khoản của mình. Trường hợp đặc biệt cần bàn giao tài khoản truy cập cho người khác cần có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền;”

Kiểm soát viên không được phép cấp user và mật khẩu user trong công việc nghiệp vụ cho người khác.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKS-P3 ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Thị Tường A về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Võ Thị H về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, trong phần luận tội, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi và hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường A từ 13 năm tù đến 14 năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Thị H từ 06 năm tù đến 07 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị Tường A bồi thường cho Ngân hàng H số tiền 1.914.411.118 đồng; Đề nghị tiếp tục phong tỏa số tiền trong tài khoản của bị cáo A, của ông Phạm Minh T và tiếp tục duy trì công văn ngăn chặn đối với giao dịch liên quan đến thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, xã XXTT, huyện HM được Chi nhánh huyện Hóc Môn cấp cho Phạm Thị Tường A để đảm bảo thi hành án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Tường A trình bày: Luật sư đồng ý với tội danh, khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo A, đồng thời Luật sư cũng đồng tình với các tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát nêu trong phần luận tội đối với bị cáo nhưng về mức hình phạt đối với bị cáo thì có phần quá nghiêm khắc. Luật sư thấy rằng căn cứ vào hành vi, mức độ hậu quả của vụ án thì thời điểm phạm tội do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn quần bách về tài chính liên quan đến mua bán bất động sản thua lỗ mà bị cáo nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt khi thực hiện hành vi cũng không tính đến hậu quả xảy ra cho ngân hàng và liên lụy đến đồng nghiệp Võ Thị H. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã rất nỗ lực bán tài sản hiện có để khắc phục hậu quả trả cho ngân hàng với số tiền trên 5 tỷ đồng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình trong suốt quá trình điều tra vụ án và rất ăn năn hối hận cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã chân thành xin lỗi phía bị hại là ngân hàng và bị cáo H. Đồng thời, bị cáo tự nguyện đưa tài sản là thửa đất còn lại để khắc phục số tiền còn lại cho ngân hàng. Từ những phân tích nêu trên, bị cáo A có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc áp dụng đối với bị cáo A mức án khoan hồng hơn mức án khởi điểm của Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo A đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, trình bày bổ sung: Bị cáo nhận thấy rất hối hận về hành vi đã làm, gây ảnh hưởng đến ngân hàng nơi bị cáo làm việc và ảnh hưởng đến chị Võ Thị H là kiểm soát viên đã rất quan tâm đến bị cáo trong công việc nhưng chỉ vì thiếu hiểu biết mà bị cáo đã gây ra hậu quả như hôm nay.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thị H trình bày: Qua nghiên cứu hồ sơ và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Luật sư thấy rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo H về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ pháp luật, trong suốt quá trình từ khi khởi tố đến nay bị cáo luôn ăn năn hối lỗi về hành vi đã làm, do bồng bột, không thấu hiểu hết hậu quả xảy ra và quá tin tưởng vào các đồng

nghiệp trong đó có bị cáo A, bị cáo đã tạo điều kiện cho A chiếm đoạt tiền, gây ra thiệt hại cho ngân hàng số tiền lớn. Bản thân bị cáo luôn có thái độ thành khẩn, ăn năn và vì nghiệp vụ ngân hàng rất phức tạp, các lời khai của bị cáo H đều hợp tác cũng như thao tác rất cụ thể trong quá trình điều tra để hỗ trợ điều tra vụ án nên cơ quan điều tra đã ghi nhận bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là tích cực hợp tác với cơ quan điều tra quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự trong kết luận điều tra, tình tiết này không phải bị cáo nào cũng được ghi nhận, đồng thời Viện kiểm sát cũng ghi nhận trong cáo trạng tình tiết này. Ngoài ra gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, ông bà nội được nhà nước tặng thưởng huân huy chương, tại phiên tòa phía ngân hàng là bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo là các tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cùng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo H đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

Bị hại không tham gia tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và các đương sự không tham gia tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp: Lời bào chữa của các Luật sư và các bị cáo đều đồng ý về tội danh, điều khoản và khung hình phạt truy tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xét xử dưới khung hình phạt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Các Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình, xin lỗi bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị Tường A, Võ Thị H đã khai nhận về hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được

chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản kết luận giám định. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Phạm Thị Tường A và Võ Thị H cùng làm việc tại Ngân hàng H, quá trình làm việc Võ Thị H đã tự ý cung cấp user tên “YG xxxxxx” và mật khẩu tài khoản “010203” của Hà cho Phạm Thị Tường A, Nguyễn Thị Trúc Linh Đ, Đặng Huyền T là chuyên viên ngân hàng cùng làm việc tại đây để biết và sử dụng trong trường hợp cần thiết, hỗ trợ H trong công việc hoặc thay H duyệt các lệnh chuyển tiền đối với các giao dịch chuyển tiền trên hệ thống phần mềm nội bộ của Ngân hàng H khi chưa báo cáo và được sự đồng ý của người có thẩm quyền mà theo quy định của ngân hàng thì Kiểm soát viên không được phép cấp user và mật khẩu user trong công việc nghiệp vụ cho người khác biết, sử dụng. Sau khi được H cung cấp user và mật khẩu, Phạm Thị Tường A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền từ tài khoản ký quỹ của các khách hàng doanh nghiệp mở tại Ngân hàng H để sử dụng vào mục đích cá nhân. Bị cáo Phạm Thị Tường A đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền từ tài khoản ký quỹ của các Công ty do Ngân hàng H chịu trách nhiệm quản lý với tổng số tiền 7.159.411.118 đồng.

Xét, hành vi của bị cáo Phạm Thị Tường A, Hội đồng xét xử xét thấy: Phạm Thị Tường A là chuyên viên của Ngân hàng H, lợi dụng sự tin tưởng của Kiểm soát viên Võ Thị H, sau khi được H cung cấp user và mật khẩu cho A biết và sử dụng trong trường hợp cần thiết, hỗ trợ H trong công việc khi H không có mặt tại Ngân hàng, không đúng quy định của Ngân hàng Phạm Thị Tường A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền từ tài khoản ký quỹ của các khách hàng Doanh nghiệp mở tại Ngân hàng H. Phạm Thị Tường A tự ý tạo và duyệt các lệnh chuyển tiền từ tài khoản ký quỹ của các Công ty CP Kỹ thuật GM, Công ty CP Kỹ thuật FG, Công ty cổ phần ĐC do Ngân hàng H quản lý trên hệ thống phần mềm hạch toán nội bộ của Ngân hàng H để chiếm đoạt tổng số tiền 7.159.411.118 đồng (bảy tỷ một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm mười tám đồng) trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022 để sử dụng vào mục đích cá nhân. Lời khai nhận tội của Phạm Thị Tường A và Võ Thị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Phạm Thị Tường A phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 7.159.411.118 đồng. Thuộc tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi của bị cáo Võ Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Võ Thị H là Kiểm soát viên Ngân hàng H được Ngân hàng H cấp user và mật khẩu để đăng nhập vào phần mềm BDS là phần mềm hạch toán nội bộ của Ngân hàng H thực hiện việc kiểm soát, duyệt các lệnh chuyển tiền đối với các giao dịch tại Ngân hàng H, nhưng bị cáo đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình được giao, do tin tưởng Phạm Thị Tường A nên đã tự ý giao user và mật khẩu cho A biết và sử dụng trong trường hợp cần thiết, hỗ trợ H trong công việc khi H không có mặt tại Ngân hàng, không đúng quy định của Ngân hàng, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát dẫn đến việc bị cáo A tự ý tạo và duyệt các lệnh chuyển tiền từ tài khoản ký quỹ của 03 công ty nêu trên do Ngân hàng MSB

quản lý trên hệ thống phần mềm hạch toán nội bộ của Ngân hàng MSB để A chiếm đoạt tổng số tiền 7.159.411.118 đồng (bảy tỷ một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm mười tám đồng). Do đó, bị cáo Hà Võ Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” với tình tiết định khung hình phạt “Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của Phạm Thị Tường A là đặc biệt nghiêm trọng và hành vi của Võ Thị H là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo theo tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị Tường A thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Thị Tường A, Võ Thị H có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H tích cực hợp tác với cơ quan điều tra được cơ quan điều tra ghi nhận tình tiết này trong kết luận điều tra vụ án nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thị Tường A đã bồi thường 5.245.000.000 đồng gần như toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả của vụ án nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, gia đình bị cáo H có công với cách mạng nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo A hiện đang nuôi 02 con còn nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên cân nhắc quyết định hình phạt đối với từng bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ và hậu quả vụ án phần lớn đã được khắc phục nên xem xét tính chất mức độ, hành vi của bị cáo xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với pháp luật.

Đối với Nguyễn Anh K, Phạm Minh T, Nguyễn Thành Q: Sau khi được A chuyển tiền vào tài khoản cá nhân, Kiệt, Tân, Quân đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Phạm Thị Tường A hoặc rút tiền mặt đưa cho A nhưng K, T và Q không biết việc Phạm Thị Tường A chiếm đoạt tiền của Ngân hàng H, cũng như không được hưởng lợi, nên chưa đủ cơ sở để xem xét xử lý hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Trúc Linh Đ, Đặng Huyền T là chuyên viên của Ngân hàng H, cũng được Võ Thị H cung cấp User và mật khẩu để hỗ trợ trong công việc, nhưng Đ và T không sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của khách hàng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét xử lý hình sự.

Về ý kiến bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng cần áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng án treo là không

có cơ sở, bởi lẽ: Bị cáo đã cung cấp user và mật khẩu cho An, từ đó A đã chiếm đoạt một lượng lớn tiền của ngân hàng, bị cáo A phạm tội khi là một kiểm soát viên, không phải là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể như quy định tại khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà Luật sư nêu.

Từ các phân tích nêu trên, đây cũng là quan điểm của Hội đồng xét xử xét đối với các ý kiến tranh luận, đối đáp của Luật sư bào chữa và của Kiểm sát viên.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị Tường A đã bồi thường khắc phục số tiền 5.245.000.000 đồng cho Ngân hàng H.

Nay Ngân hàng H yêu cầu Phạm Thị Tường A tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 1.914.411.118 đồng là có căn cứ nên buộc bị cáo phải bồi thường.

[5] Xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra thu giữ của Phạm Minh T liên quan đến tiền của bị cáo A chuyển vào rồi nhờ rút ra hoặc chuyển vào tài khoản của A số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) nên tạm giữ để đảm bảo thi hành phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo An đối với ngân hàng H;

- Đối với số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trong tài khoản số 042010128285XX của Phạm Thị Tường A mở tại Ngân hàng H cơ quan điều tra đã có văn bản phong tỏa theo văn bản số 1785/CV-CQCSĐT (ĐTTH) ngày 28/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên tiếp tục duy trì công văn phong tỏa số tiền này để đảm bảo khoản tiền bồi hoàn của bị cáo An cho Ngân hàng H;

- Ngày 21/11/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra đã gửi công văn số 27194/VPCQCSĐT - Đ3 yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã cập nhật ngăn chặn giao dịch liên quan đến thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, xã XTT, huyện HM được Chi nhánh huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Z, diện tích 108,8m², địa chỉ: 40/5/6 đường XTT, 31, ấp R, xã XTT, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh cấp cho Phạm Thị Tường A và Nguyễn Thành Q nên tiếp tục duy trì công văn ngăn chặn nêu trên để đảm bảo trách nhiệm bồi hoàn cho Ngân hàng H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường A 12 (mười hai) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Thị H 04 (bốn) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”;

Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2024.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị Tường A phải có trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng H 1.914.411.118 đồng (một tỷ chín trăm mười bốn triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm mười tám đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tiếp tục duy trì công văn phong tỏa tài khoản số 1785/CV-CQCSĐT (ĐTTH) ngày 28/4/2022 của cơ quan điều tra Công an Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đối với số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trong tài khoản số 04201012828570 của Phạm Thị Tường A tại Ngân hàng H để đảm bảo trách nhiệm bồi thường của bị cáo An đối với Ngân hàng H;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) của ông Phạm Minh T để đảm bảo thi hành án đối với trách nhiệm bồi thường của bị cáo A đối với Ngân hàng H;

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9059775.000000 của cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tại kho bạc Nhà nước Quận 10);

- Tiếp tục duy trì công văn số 27194/VPCQCSĐT - Đ3, ngày 21/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật ngăn chặn giao dịch liên quan đến thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, xã XTT, huyện HM được Chi nhánh huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Z, diện tích 108,8m², địa chỉ: 40/5/6 đường XTT 31, ấp R, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Phạm Thị Tường A và Nguyễn Thành Q để đảm bảo trách nhiệm bồi thường của bị cáo A cho Ngân hàng H.

Đối với số tiền và thửa đất nêu trên, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền gốc và lãi còn phải trả cho Ngân hàng H, trường hợp còn thiếu thì bị cáo A còn phải tiếp tục bồi thường, nếu dư thì trả lại cho bị cáo Phạm Thị Tường A và ông Nguyễn Thành Q.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Thị Tường A phải chịu 69.432.334 đồng (sáu mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại và đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- Tòa án ND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- Viện kiểm sát ND TP.HCM; (3)
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Đương sự; (1)
- Trại giam; (0)
- Cục THA Dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (2)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (30) (1)
- (5)

Trần Minh Châu